

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRẢNG BÀNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 44/2017/DS- ST

Ngày 15-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Minh;

2. Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXX-ST ngày 01-9-2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vương Thị N, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Ấp PH, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thanh Đ, sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Số 27/6, đường CL, khu phố 15, đường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 7 năm 2017); có mặt.

2. *Bị đơn:*

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976;

Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp LT, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Đình P, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Ấp PH, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Đ trình bày:

Bà N và ông P thu gom ớt từ nông dân và bán lại chủ vừa ớt là ông L và bà H từ năm 2014. Bà N và ông P đã bán ớt cho ông L và bà H thời gian đầu không lập hóa đơn sau này đến năm 2017 theo yêu cầu của bà N và ông P thì ông L và bà H lập hóa đơn thanh toán. Việc mua bán được tiến hành theo phương thức là nhận hàng lần sau thanh toán tiền của lô hàng trước liền kề. Khi trả tiền lấy hóa đơn lại là quyết toán xong. Từ ngày 28-02-2017 đến ngày 16-3-2017 ông L và bà H thiếu bà N và ông P tổng số tiền là 561.670.000 đồng. Cụ thể như sau:

Hóa đơn 1: Ngày 28-02-2017, số kí ớt 7.000 kg, đơn giá: 19.700 đồng/kg, thành tiền 137.200.000 đồng.

Hóa đơn 2: Ngày 01-3-2017, số kí ớt 7.000 kg, đơn giá: 19.600 đồng/kg, thành tiền 137.900.000 đồng.

Hóa đơn 3 : Ngày 02-3-2017, số kí ớt 6.990 kg, đơn giá: 19.600 đồng/kg, thành tiền 137.004.000 đồng.

Hóa đơn 4: Ngày 02-3-2017, số kí ớt 273,5 kg, đơn giá: 19.000 đồng/kg, thành tiền 5.196.000 đồng.

Hóa đơn 5: Ngày 03-3-2017, số kí ớt 7.000 kg, đơn giá: 19.500 đồng/kg, thành tiền 136.500.000 đồng. Hóa đơn này bên mua ghi ngày 03 tháng 02 năm 2017 là sai tháng;

Hóa đơn 6: Ngày 16-3-2017, số kí ớt 477 kg, đơn giá: 16.500 đồng/kg, thành tiền 7.870.000 đồng.

Các hóa đơn nêu trên do ông L viết và giao cho ông P nhận. Riêng hóa đơn buổi chiều ngày 02-3-2017 do con ông L và bà H là anh D ghi thì bà N ghi giá tiền theo giá bà H đồng ý.

Nguyên nhân ông L và bà H không thanh toán được tiền ớt cho bà N và ông P là do việc mua bán ớt bị thua lỗ.

Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông L và bà H trả cho bà N và ông P 561.670.000 đồng tiền mua bán ớt và trả 18.330.000 đồng tiền lãi suất chậm trả.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông L và bà H trình bày:

Đồng ý với lời trình bày của ông Đ về hợp đồng mua bán ớt giữa bà N và ông P với ông L và bà H. Từ ngày 28-02-2017 đến ngày 16-3-2017 ông L và bà H mua ớt của bà N và ông P với tổng số tiền là 561.670.000 đồng. Khi bà N và ông P giao ớt cho ông L và bà H, nếu có ông L và bà H tại vừa ớt thì ông L và bà H ghi hóa đơn. Nếu không có ông L và bà H tại vừa ớt thì chị K là em ruột bà H - Thụ ký vừa ớt ghi hóa đơn “VỪA ỚT L - H”. Sau đó, từ 01 ngày đến 02 ngày bà H tổng kết nợ vào sổ cái ghi ngày mua ớt, số lượng, giá cả, tổng số thành tiền, số tiền đã trả, số tiền còn nợ, bà H ký tên và ghi họ tên vào hóa đơn “VỪA ỚT L - H” vì khi giao kết hợp đồng mua bán ớt giữa ông L, bà H với bà N, ông P cũng như những người khác bán ớt cho ông L, bà H tự giữ sổ cái, ông L, bà H không giữ sổ cái, số tiền ghi trong sổ cái có giá trị thanh toán, số tiền ghi

trong hóa đơn “VỪA ỚT L - H” chỉ là tạm thời, không có giá trị thanh toán. Ông L và bà H đã trả cho bà N và ông P 431.670.000 đồng, còn thiếu lại 130.000.000 đồng. Khi trả tiền thì bà H có ghi vào sổ cái của bà N và ông P, ông L và bà H không giữ sổ cái.

Nguyên nhân ông L và bà H không thanh toán được tiền ớt cho bà N và ông P là do việc mua bán ớt bị thua lỗ.

Ông L và bà H không đồng ý trả cho bà N và ông P số tiền 561.670.000 đồng, chỉ đồng ý trả số tiền 130.000.000 đồng.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P trình bày: Đồng ý với lời khai và yêu cầu của bà N.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Chấp nhận yêu cầu “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” của bà N đối với ông L và bà H. Buộc ông L và bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà N và ông P số tiền 561.670.000 đồng tiền mua bán ớt.

Đình chỉ yêu cầu của bà N về tiền lãi suất chậm trả 18.330.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà N và ông P đòi ông L và bà H 561.670.000 đồng tiền mua bán ớt. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông L và bà H thừa nhận từ ngày 28-02-2017 đến ngày 16-03-2017 có mua ớt của bà N và ông P tổng số tiền là 561.670.000 đồng nhưng bà H và ông L đã trả cho bà N và ông P 431.670.000 đồng, còn thiếu lại 130.000.000 đồng. Khi trả tiền thì bà H có ghi vào sổ cái của bà N và ông P, ông L và bà H không giữ sổ này. Bà N và ông P không thừa nhận việc ông L và bà H có trả cho bà N và ông P số tiền 431.670.000 đồng, ông L và bà H không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy lời trình bày của ông L và bà H không có cơ sở để xem xét. Buộc ông L và bà H có nghĩa vụ trả cho bà N và ông P số tiền 561.670.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà N và ông P về tiền lãi suất chậm trả 18.330.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản giữa nguyên đơn bà Vương Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Ngọc H.

2. Buộc ông L và bà H có nghĩa vụ trả cho bà N và ông P số tiền 561.670.000 (năm trăm sáu mươi một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà N và ông P về tiền lãi suất chậm trả 18.330.000 (mười tám triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông L và bà H phải chịu 26.466.800 (hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà N và ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà N 13.600.000 (mười ba triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009014 ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Ngện